

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Tên viết tắt: LAWACO

Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An

Điện thoại: 072.3825.114

Fax: 072.3826.040

Website: www.lawaco.com.vn

Người công bố thông tin: Cao Duy Thanh

Chức danh: Trưởng ban kiểm soát

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/3/2025 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Long An, ngày 13 tháng 03 năm 2025

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Cao Duy Thanh

Phụ lục IV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Long An, ngày 13 tháng 3 năm 2025

Số: 10../BC-LAW

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
- Giấy CNĐKDN: số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 5/9/2023.
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 73.200.000.000 (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
- Số điện thoại: 0272.3825.114
- Số Fax: 0272.3826.040
- Website: www.lawaco.com.vn
- Mã cổ phiếu: LAW
- Quá trình hình thành và phát triển

1956	Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m ³ /ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.

2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m ³ /ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh
2009	Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.
2013	Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).
2015	Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng. Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An
2016	Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức vốn điều lệ 122 tỷ đồng.
2021	Ngày 02/12/2021 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6
2023	Ngày 05/09/2023 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và phân tích các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước	7120
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4669
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành nước	4663
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh)	7490
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; Thi công hệ thống cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
7	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: bán điện cho điện lực “trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu điện hạt nhân”	3512
8	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	3811
9	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	3821
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước, lắp đặt thiết bị công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự toán và tổng hợp dự toán công trình xây dựng. Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn đấu thầu.	7110
11	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (chính)
12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm

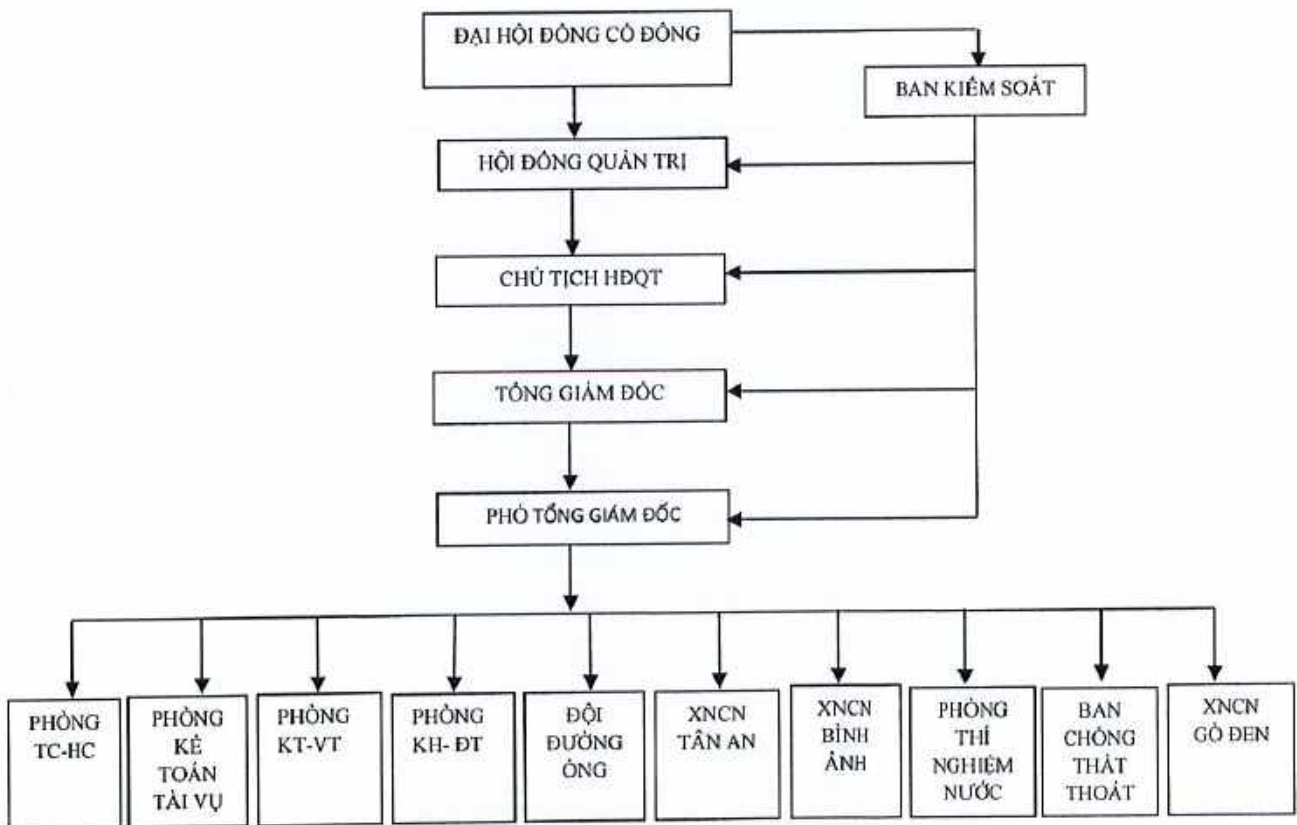
- Địa bàn kinh doanh: TP Tân An, bao gồm 9 phường và các xã Bình Tâm, Lợi Bình Nhơn, An Vĩnh Ngãi, Hướng Thọ Phú, Nhơn Thạnh Trung, huyện Thủ Thừa, huyện Tân Trụ, một phần huyện Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội Đồng Cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc

* Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2025:

- Tổng doanh thu: 335 tỷ đồng;
- Sản lượng nước ghi thu: 26.610 ngàn m³;
- Lợi nhuận trước thuế: 26 tỷ đồng

- Phát triển khách hàng đến 31/12/2025 đạt 52.341 khách hàng.
- Chủ động nguồn nước tự sản xuất từ tăng cường khai thác nước mặt hồ Bảo Định công suất 20.000m³/ngày đêm và tiếp nhận nguồn nước mặt Sông Tiền của dự án: Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải
- Ưu tiên phát triển nguồn cung cấp nước đồng bộ với công tác đầu tư phát triển hệ thống mạng lưới tuyến ống (ưu tiên các tuyến trục chính)
- Nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, mở rộng phát triển mạng lưới tuyến ống cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của Công ty đã ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước với UBND các địa phương
- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước của Công ty $\leq 9\%$
- Duy trì áp lực và lưu lượng nước trên toàn mạng lưới, đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng nước đạt quy chuẩn theo đúng quy định.
- Ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ tự động hóa, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong hệ thống quản lý cấp nước của Công ty

+ *Nguồn lực đáp ứng đủ yêu cầu phát triển Công ty:*

Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đoàn thể chính trị xã hội cơ sở chăm lo, tạo mọi điều kiện để người lao động làm việc thuận lợi, cống hiến và phát huy sức sáng tạo, tài năng của mình vì sự nghiệp phát triển Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp nước tại Long An và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Đảm bảo hệ thống cấp nước an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước.

Công tác phát triển nguồn nước đi đôi với công tác bảo vệ môi trường tại các xí nghiệp trực thuộc

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)

- Giữ môi trường sản xuất sạch và xanh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường.
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh trong sản xuất và kinh doanh.
- Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm tại các hộ gia đình, cơ quan, xí nghiệp.
- Duy trì, tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp, thiết thực chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro kinh tế

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Long An quyết định, chưa được tính đúng, tính đủ, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian, từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền quyết định và phê duyệt, làm giảm tính

linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái về lưu lượng và chất lượng, nước mặt thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào, làm tăng chi phí xử lý nước của Công ty. Suy thoái kinh tế do ảnh hưởng địa chính trị dẫn đến ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

5.2. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

5.3. Rủi ro về môi trường

- Biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái về lưu lượng và chất lượng, nước mặt thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào, làm tăng chi phí xử lý nước của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	281.600	325.379	115,5
Nước	Đồng	265.000	306.938	115,8
Đường ống	Đồng	16.300	18.289	112,2
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	18.500	23.268	125,8

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

- Họ và tên: **Trương Ngọc Thùy Trang** - Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1990

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cần Giuộc, Long An

Địa chỉ thường trú: 25 Trần Triệu Luật, Phường 7, Quận Tân Bình, TPHCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, kỹ sư Môi trường

Đại diện sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%VĐL

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 5- T8/2016	Viện nghiên cứu Fraunhofer về Kinh tế năng lượng và công nghệ Hệ thống năng lượng (IEE), Kassel, Đức	Thực tập sinh
T02/2017- T12/2019	Công ty tư vấn đa quốc gia ENEA Consulting Pty Ltd, Melbourne, Úc	Chuyên viên tư vấn
T03/2020- T7/2020	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
T7/2020- T4/20212	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Trưởng phòng Kỹ thuật
T05/2021- T8/2023	Ban QLDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó Giám đốc
Từ 28/6/2021 – 8/2023	Công ty cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật (kiêm nhiệm)
Từ 9/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm PTGD
Từ 25/4/2024- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm TGD

- Họ và tên: Lưu Văn Cần – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phiếu, chiếm 0,006% VDL

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/2005 – T 04/2013	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2013- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2013- T10/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T11/2022 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Đảng ủy viên Đảng bộ cơ sở

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.400 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.400 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T3/2005 – T 4/2005	Nhà máy cấp nước Gò Đen thuộc Công ty Cấp nước Long An	Nhân viên

T05/2005 T6/2011	– Phòng Kế toán - Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Nhân viên
T7/2011- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Quyền Kế toán trưởng
T10/2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Bà Trương Ngọc Thùy Trang - Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25/4/2024)

+ Bà Trương Ngọc Thùy Trang - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/4/2024)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	155	100
1	Trình độ đại học và sau đại học	58	37,4
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	33	21,3
3	Trình độ khác	64	43,7
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	155	100
1	Hợp đồng không thời hạn	130	83,9
2	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	1	0,6
3	Hợp đồng có thời hạn	25	15,5

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

b) Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty có cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo chuyên đề do Hội cấp nước Việt Nam, Hội cấp nước Miền Nam tổ chức để nâng cao trình độ, tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLD trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm. Hàng năm nâng lương đúng thời hạn cho người lao động v.v...

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB. CNV người lao động trong toàn Công ty.

- Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
1	2022	6,07	Trả bằng tiền
2	2023	6,68	Không chia cổ tức năm 2023, chuyển sang nguồn vốn đầu tư xây dựng năm 2024
3	2024	9,08%	Đề nghị không chia cổ tức năm 2024, chuyển sang nguồn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển cho năm 2025

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Đầu tư phát triển:

Trong năm 2024 công ty đã đầu tư được 07 công trình với giá trị 64.844 triệu đồng, bao gồm phát triển được gần 90km đường ống các loại từ D63-D400 góp phần mở rộng vùng phục vụ cấp nước của Công ty.

b. Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	314,118	342,278	+8,96%
Doanh thu thuần	277,784	325,379	+17,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,538	23,230	+59,8%
Lợi nhuận khác	3,022	0,037	-98,8%
Lợi nhuận trước thuế	17,560	23,268	+32,5%
Lợi nhuận sau thuế	14,828	20,254	+36,6

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	55%	
----------------------------	-----	-----	--

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:			
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản NH / Nợ ngắn hạn	0,46	0,45	-0,01
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,27	0,26	-0,01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản x100%	0,45	0,45	
+ Hệ số nguồn vốn chủ sở hữu = Nguồn vốn CSH/ Σ nguồn vốn x100%	0,55	0,55	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	11,65	16,53	+4,88
+ Vòng quay vốn kinh doanh = Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân	0,87	0,99	+0,12
Các chỉ tiêu sinh lời:			
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Tỷ suất LN sau thuế trên VCSH = Lợi nhuận sau thuế/vốn CSHx100%	0,09	0,11	+0,02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông: tính đến ngày 28/3/2024

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	141	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	139	236.260	2.362.600.000	1,94%
2	Cổ đông tổ chức	02			
	UBND tỉnh Long An		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần Tổng công ty nước – Môi trường Bình Dương		4.643.740	4.643.740.000	38,06%
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		141	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các loại chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Nguyên vật liệu	ĐVT	SL sử dụng	Ghi chú
01	Clo khử trùng	Kg	34.050	
02	PAC	Kg	31.000	

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch và văn phòng: 6.153.863 KW/năm.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn;

- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời (solar) tại trạm cấp nước Lợi Bình Nhơn:

+ Số liệu điện năng solar phát ra trong 01 tháng khoảng 3.255kw tương ứng với số tiền là: 4,6 triệu đồng/tháng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước tự khai thác còn nhiều hạn chế do những yếu tố khách quan như nước ngầm hạn chế về trữ lượng, thời gian cấp phép ngắn hơn so với quy định; bên cạnh đó nguồn nước do BIWASE - Long An cung cấp cho LAWACO từ Nhà máy nước Nhị Thành thường xuyên không đảm bảo lưu lượng, áp lực theo cam kết, nhất là vào các tháng mùa khô.

- Giá mua nước sạch từ Nhà máy nước Nhị Thành cao, làm lợi nhuận sản xuất kinh doanh nước sạch hiện nay của LAWACO tương đối thấp, chủ yếu từ nguồn tự sản xuất.

- Nguồn khai thác nước 13.185.000m³;

- Nguồn nước mặt mua từ Biwase - Long An: 16.820.000 m³;

- Lượng nước ghi thu: 26.260.000 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty đã đầu tư hệ thống thu hồi nước sau rửa lọc thành nước cấp cho XNCN Bình Anh, 1 tháng thu hồi được 7.200 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 155 người, mức lương trung bình: 18,5 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Phối hợp với đơn vị tài trợ tổ chức tặng quà tết cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ với 338 phần quà, tổng kinh phí trên 160 triệu đồng, hỗ trợ phường 4 xây nhà đại đoàn kết với kinh phí 15 triệu đồng, vận động CBCNV - NLĐ tham gia ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do cơn bão số 3 với số tiền 120 triệu đồng, ...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	281.600	325.379	115,5
Nước	Đồng	265.000	306.938	115,8
Đường ống	Đồng	16.300	18.289	112,2
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	18.500	23.268	125,8

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu ĐHCĐ giao như: Sản lượng, doanh thu, nghĩa vụ với ngân sách.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
TS ngắn hạn	33.188	10,57	37.819	11,05	13,95
TS dài hạn	280.930	89,43	304.458	88,95	Tăng 8,38
Tổng tài sản	314.118		342.278		Tăng 8,96

Thời điểm kết thúc năm tài chính 2024, quy mô tài sản của Công ty đạt 342.278 triệu đồng, ghi nhận sự tăng trưởng 8,96% so với năm 2023 cho thấy những chuyển biến khá tích cực, phản ánh sự mở rộng quy mô và khả năng phát triển. Sự tăng trưởng đồng đều ở cả tài sản dài hạn và ngắn hạn thể hiện sự phát triển toàn diện và tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ, cho thấy công ty đang không ngừng đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Vào ngày 31/12/2024, tài sản ngắn hạn đạt 37.819 triệu đồng, ghi nhận sự tăng trưởng 13,95% so với năm 2023 và chiếm tỷ trọng 11,05% trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty. Sự

tăng trưởng của tài sản ngắn hạn có phần nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng chung của tổng tài sản.

Trong khi đó, tài sản dài hạn của Công ty đạt 304.458 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 88,95% trong tổng tài sản. Tài sản dài hạn tăng 8,38% so với năm 2023, tương ứng tăng 23.528 triệu đồng. Trong đó, tài sản cố định hữu hình vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, bao gồm Đầu tư Mở rộng Mạng lưới Cung cấp Nước Sạch với hơn 58 tỷ đồng, đây là động lực chính cho sự tăng trưởng này và là một quyết định đầu tư chiến lược, không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp thiết của cộng đồng mà còn theo chỉ đạo của UBND tỉnh Long An. Đầu tư Thêm Tài sản Dài hạn Phục vụ SXKD: Bên cạnh dự án trọng điểm về mạng lưới nước, công ty còn đầu tư thêm 23,5 tỷ đồng vào tài sản dài hạn khác, bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và nhà xưởng. Điều này cho thấy Công ty đang dần nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh một cách toàn diện. Quản lý và Khai thác Hiệu quả TSCĐ: Một điểm nổi bật là công ty đang quản lý hiệu quả một lượng lớn TSCĐ đã hết khấu hao (125,876 tỷ đồng) nhưng vẫn tiếp tục được sử dụng. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa chi phí khấu hao mà còn tận dụng tối đa giá trị còn lại của tài sản, góp phần cải thiện lợi nhuận.

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	70.992	50,25	84.231	54,26	Tăng 18,65
Nợ dài hạn	70.287	49,75	71.009	45,74	Giảm 1,03
Tổng nợ phải trả	141.280		155.240		Tăng 9,88

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty là 155.240 triệu đồng, ghi nhận mức tăng 9,88% so với năm 2023. Mức tăng này chủ yếu do sự gia tăng của nợ phải trả ngắn hạn, phản ánh nhu cầu vốn lưu động tăng lên để hỗ trợ hoạt động kinh doanh mở rộng.

Cơ cấu nợ phải trả của Công ty trong năm 2024 có sự thay đổi nhẹ về tỷ trọng giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn đã gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu nợ phải trả. Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn chiếm 54,26% tổng nợ phải trả, trong khi nợ dài hạn chiếm 45,74%. So với năm 2023, tỷ trọng nợ ngắn hạn đã tăng lên (năm 2023: nợ ngắn hạn chiếm 50,25% và nợ dài hạn chiếm 49,75%).

Nợ ngắn hạn vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2024 đạt 84.231 triệu đồng, ghi nhận mức tăng 18,65% so với năm 2023, tương ứng tăng 13.239 triệu đồng. Sự gia tăng của nợ ngắn hạn chủ yếu là sự gia tăng các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác do tăng quy mô hoạt động kinh doanh.

Trong khi đó, nợ dài hạn vào ngày 31/12/2024 đạt 71.009 triệu đồng, ghi nhận mức giảm nhẹ 1,03%, tương ứng giảm 728 triệu đồng. Về cơ bản, quy mô nợ dài hạn không có sự thay đổi đáng kể giữa hai năm. Nợ dài hạn của Công ty có thể vẫn chủ yếu bao gồm các khoản vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An nhằm mục đích đầu tư vào các dự án hệ thống đường ống phân phối nước. Sự ổn định của nợ dài hạn cho thấy doanh nghiệp có thể duy trì chính sách tài trợ dài hạn tương đối ổn định.

Tuy nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn tài sản ngắn hạn, nhưng công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Báo cáo kiểm toán năm 2024 của Công ty TNHH

Kiểm toán VACO cho thấy các khoản nợ phải trả của công ty vẫn trong tầm kiểm soát và có khả năng thanh toán.

c. Vốn Chủ Sở Hữu: Tăng trưởng Vững chắc

Vốn chủ sở hữu của công ty đã tăng trưởng mạnh mẽ 8,2%, trong đó Quỹ đầu tư phát triển tăng 14,199 triệu đồng. Điều này thể hiện tiềm lực tài chính ngày càng vững chắc và khả năng tái đầu tư mạnh mẽ của công ty.

d. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:

Khả năng sinh lời của công ty đã được cải thiện đáng kể trong năm 2024, thể hiện qua sự gia tăng của doanh thu, lợi nhuận gộp, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu (ROE) và tổng tài sản (ROA) đều tăng lên đáng kể, cho thấy doanh nghiệp đang ngày càng hiệu quả hơn trong việc tạo ra lợi nhuận từ nguồn lực vốn và tài sản của mình. Công ty đã kiểm soát tốt chi phí tài chính và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2025:

- Tổng doanh thu: 335 tỷ đồng trong đó:
- Sản lượng nước ghi thu: 26,610 ngàn m³;
- Lợi nhuận trước thuế: 26 tỷ đồng

Duy trì tỷ lệ thất thoát của Công ty và lượng nước thu hồi để cấp lại hệ thống mạng lưới cấp nước

Đánh giá và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tối đa công suất của các nhà máy, trạm cấp nước ngầm đã được cấp phép.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty: (không có)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Thuận lợi:

- Sự hỗ trợ, chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh, Sở ban ngành và chính quyền địa phương các cấp trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng mạng lưới cấp nước của Công ty.

- Tình hình hoạt động sản xuất tại các nhà máy ổn định, duy trì giám sát và kiểm soát chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế và Quy chuẩn địa phương đảm bảo việc cung cấp nước cho khách hàng.

- Công ty đã từng bước hoàn thiện các quy trình quản lý, quy chế, quy định trong hoạt động sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ phận trực thuộc, người lao động phát huy tính chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong công việc và đảm bảo chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đảm bảo an toàn an ninh mạng, nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm nguồn tài nguyên.

1.2. Khó khăn:

- Tình trạng thiếu nguồn cung cấp nước: Nguồn nước đang đối mặt với tình trạng suy giảm về số lượng và chất lượng, do ảnh hưởng việc biến đổi khí hậu khiến nước bị suy thoái, nước mặt thường xuyên biến động... Đồng thời, Công ty phụ thuộc nguồn nước từ Nhà máy nước Nhị Thành của Công ty Cổ phần nước Biwase – Long An (chiếm trên 50% sản lượng nước khai thác).

- Công tác xin giấy phép nâng công suất khai thác nước mặt còn vướng nhiều thủ tục, liên quan đến việc thuê mặt nước hồ Bảo Định.

- Tình hình hạn mặn, mùa khô, nắng nóng kéo dài, cùng với sự phát triển nhanh chóng của các KCN, khu Đô thị, Công ty chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Tăng chi phí xử lý nước do những tác nhân ảnh hưởng đến nguồn nước như: xâm nhập mặn, các tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm nguồn nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm của quyền hạn rõ ràng;

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Điều hành Công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty;

Ban điều hành họp giao ban 1 lần/tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

* Công việc chính cần thực hiện:

- Tổng doanh thu: 335 tỷ đồng trong đó:

- Sản lượng nước ghi thu: 26,610 ngàn m³;

- Lợi nhuận trước thuế: 26 tỷ đồng

- Phát triển khách hàng đến 31/12/2025 đạt 52.341 khách hàng.

- Chủ động nguồn nước tự sản xuất từ tăng cường khai thác nước mặt hồ Bảo Định công suất 20.000m³/ngày đêm và tiếp nhận nguồn nước mặt Sông Tiền của dự án: Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải

- Ưu tiên phát triển nguồn cung cấp nước đồng bộ với công tác đầu tư phát triển hệ thống mạng lưới tuyến ống (ưu tiên các tuyến trục chính)

- Nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, mở rộng phát triển mạng lưới tuyến ống cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của Công ty đã ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước với UBND các địa phương

- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước của Công ty $\leq 9\%$

- Duy trì áp lực và lưu lượng nước trên toàn mạng lưới, đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng nước đạt quy chuẩn theo đúng quy định.

- Ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ tự động hóa, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong hệ thống quản lý cấp nước của Công ty

4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024: (đính kèm phụ lục số III)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành
2	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Thành viên điều hành (bầu bổ sung từ 25/4/2024)
3	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
4	Mai Song Hòa	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080077008895 ngày cấp 24/7/2022 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến 2023	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến tháng 10/2022	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc
Từ tháng 11/2022 đến 30/8/2023	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc
Từ 30/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT- người đại diện theo pháp luật- Bí thư Đảng bộ cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Lê Ngọc Lan Thảo	Vợ	100	0,00082 %

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Lưu Văn Cần

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080079018157 ngày cấp 22/11/2021 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Đảng ủy viên

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/2005 – T 04/2013	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2013- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2013- T10/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T11/2022 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
2015 để nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Đảng ủy viên Đảng bộ cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 700 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trương Ngọc Thùy Trang

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1990

Giới tính: Nữ

Số CCCD: 079190003557 ngày cấp 12/10/2022 - nơi cấp Cục CSDKQG về dân cư

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 25 Trần Triệu Luật, P7, Quận Tân Bình, TP HCM.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 5- T8/2016	Viện nghiên cứu Fraunhofer về Kinh tế năng lượng và công nghệ Hệ thống năng lượng (IEE), Kassel, Đức	Thực tập sinh
T02/2017- T12/2019	Công ty tư vấn đa quốc gia ENEA Consulting Pty Ltd, Melbourne, Úc	Chuyên viên tư vấn
T03/2020- T7/2020	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
T7/2020- T4/20212	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Trưởng phòng Kỹ thuật
T05/2021- T8/2023	Ban QLDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó Giám đốc
Từ 28/6/2021 – 8/2023	Công ty cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật (kiêm nhiệm)
Từ 9/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm PTGD
Từ 25/4/2024-nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm TGD

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000.000 cổ phần, chiếm 22% VDL.

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Mai Song Hào

Ngày tháng năm sinh: 25/10/1981

Giới tính: Nam

Số CCCD: 070081004589 ngày cấp 11/8/2022 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 67^E/73 khu phố Bình Đường 4, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:

+ Trung cấp cấp thoát nước;

+ Kỹ sư Kỹ thuật Môi trường.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT,

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước cần thơ 2

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước gia tân

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần công trình đô thị thủ thừa

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước quảng bình

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần biwase quảng bình

- Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước cần thơ

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2013	Trưởng chi nhánh Thuận An- Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Trưởng phòng Kinh doanh
T11/2013- T5/2017	Chi nhánh Cấp nước khu Liên Hợp- Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Giám đốc
T6/2017- 5/2018	Chi nhánh Cấp nước Thuận An - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
T6/2018- T03/2022	Chi nhánh Cấp nước Dĩ An - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
T3/2022- T2/2023	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Cấp nước Dĩ An
T2/2023- Nay	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Tổng giám đốc

26/4/2023 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT
-------------------	--	-----------------

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trần Tấn Lợi

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1978

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080078003704 ngày cấp 26/4/2021 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: số 06 đường số 01, KDC Phường 3, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:

+ Kỹ sư điện Công nghiệp;

+ Thạc sĩ Cấp thoát nước.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT,

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước Biwase – Long An

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T01/2001- T12/2004	Công ty cổ phần Cơ khí Long An	Nhân viên
T12/2004- T5/2019	Xí nghiệp CN Gò Đen thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Giám đốc
T5/2019- 10/2021	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Quản đốc
T10/2021- T2/2023	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP- Long An	Giám đốc
T2/2023 – Nay	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước Biwase – Long An	Phó TGD

26/4/2023 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT
-------------------	--	-----------------

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

b. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	118/NQCN-HĐQT	24/02/2024	Nghị quyết về việc thống nhất thông qua thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.	5/5
02	125/BB.HĐQT	26/4/2024	Thông qua việc thực hiện đầu tư dự án: Tuyến ống CN truyền tải HDPE D400, D225 tuyến tránh QL1 (từ lý trình Km 1948 + 150 đến Km 1950 +800), các vấn đề vay vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An để thực hiện đầu tư công trình	5/5
03	02/NQCN-HĐQT	24/6/2024	Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán (soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024) của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	5/5
04	03/NQCN-HĐQT	15/7/2024	Thống nhất thông qua kết quả SXKD và đầu tư XDCB 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2024	5/5
05	04/NQCN-HĐQT	28/9/2024	Thống nhất thông qua: - Kết quả SXKD và đầu tư XDCB 9 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2024 - Chủ trương tiếp nhận nguồn nước thô từ dự án Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống ống truyền tải.	5/5
06	05/NQCN-HĐQT	30/10/2024	Thống nhất thông qua phương án xử lý các vật tư tồn kho chậm luân chuyển tại kho Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc	5/5
07	06/NQCN-HĐQT	6/12/2024	Thống nhất thông qua: - Kế hoạch tổ chức và chốt danh sách cổ	5/5

			đồng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
			- Dự thảo hợp đồng mua bán nước thô qua đồng hồ tổng giữa Công ty CP Cấp thoát nước Long An và Cty TNHH nước thô DNP- Sông Tiền

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc cố tình thân trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: (không có)

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S/TT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Cao Duy Thanh	Trưởng BKS	
2	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên BKS	

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

- **Trưởng Ban Kiểm soát**
- Họ và tên: Cao Duy Thanh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1984
- Nơi sinh: BV Từ Dũ – Tp HCM
- Số CCCD: 080084018275 Ngày cấp: 15/8/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 92/1D Nguyễn Cửu Vân, phường 4, TP Tân An, Long An
- Số điện thoại: 0908128028
- Địa chỉ email: duythanh999@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân QTKD, Cử nhân CNTT.
 - Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2008	Công ty TNHH EMSVN-TPHCM	Nhân viên
2008-8/2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải (TRACODI)	Nhân viên
9/2010-3/2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
4/2018-6/2019	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
7/2019-10/2023	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	TP Tổ chức – Hành chính
11/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng BKS kiêm trưởng phòng TC-HC

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 5200 cổ phần, chiếm 0,04% VDL
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
- **Thành viên Ban Kiểm Soát**
 - Họ và tên: Trương Thị Lệ Khanh
 - Ngày tháng năm sinh: 19/10/1974
 - Giới tính: Nữ
 - CCCD: 024174002819 ngày cấp 26/04/2021 – Cục QLHCTTXH
 - Dân tộc: Kinh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Quê quán: Bắc Giang
 - Địa chỉ thường trú: 32B Lê Thị Điền, Phường 3, TPTA, Long An.
 - Số điện thoại liên lạc: 0272.3825.114
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 - Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
 - Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.900 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2013- 2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên ban kiểm soát

- **Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Nguyễn Đình Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1980
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 038080026864 ngày cấp 12/8/2021 –Nơi cấp Cục CSQLHC& TTXH.
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 46/6 khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cấp thoát nước
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Long An
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2001- T3/2021	Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó phòng Kinh doanh- TP chống thất thoát
T3/2021- T2/2023	Chi nhánh cấp nước Bầu Bàng - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó giám đốc chi nhánh
T2/2023 đến nay	Công ty cổ phần nước Biwase – Long An	Phó tổng giám đốc

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác. Các thành viên trong BKS đã chủ động tham gia đầy đủ các cuộc

hợp của Hội đồng quản trị để hiểu rõ tình hình thực tế của Công ty và đưa ra đánh giá, đóng góp ý kiến trong quản lý và điều hành của công ty. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng tiếp tục đẩy mạnh sự hợp tác chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị giúp Ban Kiểm soát có cái nhìn toàn diện về mô hình quản trị, chiến lược kinh doanh ngắn và dài hạn của công ty, từ đó BKS có thể đóng góp ý kiến vào các quá trình quyết định. Các thông tin liên quan đến các quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị được cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn cho Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Sự hỗ trợ và cung cấp thông tin từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận khác trong Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát được hoành thành đúng chức năng và nhiệm vụ được giao

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2024	Ghi chú
01	Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	990.479.902	Điều hành
02	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	788.277.879	Điều hành
03	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	764.465.238	Điều hành
04	Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	36.000.000	Không điều hành
05	Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	36.000.000	Không điều hành
06	Cao Duy Thanh	Trưởng BKS	689.362.379	
07	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên BKS	24.000.000	
08	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	325.557.845	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học

lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm)

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Bảo Tùng

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long An, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Năm 2024)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
- Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An
- Điện thoại: 0272.3825.114 Fax: 0272.3826.040 Email: info@lawaco.com.vn
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000đồng
- Mã chứng khoán: LAW
- Mô hình quản trị công ty:
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
 - Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: không thuộc diện kiểm toán nội bộ

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQCN-ĐHĐCĐ	25/4/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

II. Hội đồng quản trị (năm 2024):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch	25/4/2024	

02	Ông Lưu Văn Cần	Thành viên điều hành	25/4/2024	
03	Ông Mai Song Hào	Thành viên không điều hành	25/4/2024	
04	Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên không điều hành	25/4/2024	
05	Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên điều hành	25/4/2024	

2. Các cuộc họp HĐQT: trong năm HĐQT tổ chức được 07 cuộc họp

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Bảo Tùng	7/7	100%	
02	Ông Lưu Văn Cần	7/7	100%	
03	Mai Song Hào	6/7	85,7%	Bận công tác
04	Trần Tấn Lợi	7/7	100%	
05	Trương Ngọc Thùy Trang	6/7	85,7%	Bận công tác

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, từ đó đưa ra chỉ đạo kịp thời, đúng hướng.

- Ban Tổng giám đốc và bộ máy quản lý Công ty tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ đề ra;

- Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

- Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị, điều hành mọi hoạt động SX – KD, công tác đầu tư với những biện pháp hữu hiệu.

- Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp để thông qua các nội dung Đại hội và công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư XD CB năm 2024.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2024):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	118/NQCN-HĐQT	24/02/2024	Nghị quyết về việc thống nhất thông qua thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.	5/5
02	125/BB.HĐQT	26/4/2024	Thông qua việc thực hiện đầu tư dự án: Tuyến ống CN truyền tải HDPE D400, D225 tuyến tránh QL1 (từ lý trình Km 1948 + 150 đến Km 1950 +800), các vấn đề vay vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An để thực hiện đầu tư công trình	5/5
03	02/NQCN-HĐQT	24/6/2024	Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán (soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024) của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	5/5
04	03/NQCN-HĐQT	15/7/2024	Thống nhất thông qua kết quả SXKD và đầu tư XDCB 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2024	5/5
05	04/NQCN-HĐQT	28/9/2024	Thống nhất thông qua: - Kết quả SXKD và đầu tư XDCB 9 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2024 - Chủ trương tiếp nhận nguồn nước thô từ dự án Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống ống truyền tải.	5/5
06	05/NQCN-HĐQT	30/10/2024	Thống nhất thông qua phương án xử lý các vật tư tồn kho chậm luân chuyển tại kho Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc	5/5
07	06/NQCN-HĐQT	6/12/2024	Thống nhất thông qua: - Kế hoạch tổ chức và chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - Dự thảo hợp đồng mua bán nước thô qua đồng hồ tổng giữa Công ty CP Cấp thoát nước Long An và Cty TNHH nước thô DNP- Sông Tiền	5/5

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2024):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Cao Duy Thanh	Trưởng ban	25/4/2024	Cử nhân Luật, CN Quản trị kinh doanh, CN CNTT

02	Bà Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên	25/4/2024	Cử nhân kế toán
03	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	25/4/2024	Cử nhân Cấp thoát nước

2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Cao Duy Thanh	2/2	100%	3/3	
02	Bà Trương Thị Lệ Khanh	2/2	100%	3/3	
03	Nguyễn Đình Tuấn	2/2	100%	3/3	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác và cổ đông:

- Giám sát Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, quý, năm theo quy định Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm 2023.

- Giám sát Ban điều hành:

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm của quyền hạn rõ ràng;

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Điều hành Công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty;

Ban điều hành họp giao ban 1 lần/tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát;

- HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS;
- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): không có

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
01	Ông Nguyễn Bảo Tùng	14/5/1977	Thạc sĩ, kỹ sư kỹ thuật môi trường	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024
02	Ông Lưu Văn Cảnh	20/8/1979	Kỹ sư kỹ thuật môi trường	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024
03	Bà Trương Ngọc Thùy Trang	14/11/1990	Thạc sĩ, kỹ sư môi trường	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Quốc Phong	19/10/1977	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: không

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2024) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty).

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
I	Tổ chức								
	UBND tỉnh Long An			01/GP.TTĐT-STTTT 03/3/2015 Sở Thông tin và Truyền thông	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An				Cổ đông lớn 60%

	Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương			3700145694 07/02/2006 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương				Cổ đông lớn 38,06%
II	Cá nhân								
01	Nguyễn Bảo Tùng		CTHĐQT			25/04/2024		Đại diện UBND Tỉnh Long An, nắm giữ 4.636.000 chiếm 38%	
02	Lưu Văn Căn		TV HĐQT-kiêm PTGD			25/04/2024			
03	Mai Song Hào		TV HĐQT			25/04/2024			
04	Trần Tấn Lợi		TV HĐQT			25/04/2024			
5	Trương Ngọc Thùy Trang		Thành viên HĐQT kiêm PTGD			25/04/2024		Đại diện UBND Tỉnh Long An, nắm giữ 2.684.000 chiếm 22%	
06	Cao Duy Thanh	058C622069	Trưởng BKS			25/04/2024			
07	Nguyễn Đình Tuấn		TVBKS			25/04/2024			
08	Trương Thị Lệ Khanh	058C627456	TV BKS			25/04/2024			
09	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng			25/04/2024			

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
	Công ty Biwase - Long An	Liên quan với người nội bộ			Năm 2024	105/NQCN-HĐCĐ, ngày 30/8/2023	127.989.179.370 đồng tiền mua nước 137.223.643.290 đồng thanh toán tiền mua nước	

Ghi chú: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác. Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2024)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	Nguyễn Bảo Tùng		Chủ tịch HĐQT			1.100	0,009	Đại diện UBND Tỉnh Long An,

								năm giữ 4.636.000 chiếm 38%
	Nguyễn Minh Châu		Cha ruột			0	0	
	Nguyễn Thị Ni		Mẹ ruột			0	0	
	Lê Ngọc Lan Thảo		Vợ			100	0.0008	
	Nguyễn Bảo Tường		Con			0	0	
	Nguyễn Bảo Tín		Con			0	0	
	Nguyễn Thị Thanh Trúc		Chị ruột			0	0	
	Nguyễn Thanh Tùng		Anh ruột			0	0	
	Nguyễn Minh Tùng		Anh ruột			0	0	
	Nguyễn Thị Thanh Ly		Chị ruột			0	0	
	Nguyễn Văn Tùng		Anh ruột			0	0	
	Nguyễn Thị Thanh Tâm		Em ruột			0	0	
	Trần Hoàng Hoanh		Anh rể			0	0	
	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		Chị dâu			0	0	
	Dương Thị Ngọc Hợp		Chị dâu			0	0	
	Cao Văn Cường		Anh rể			0	0	
	Nguyễn Thị Bích Vân		Chị dâu			0	0	
	Nguyễn Phú Cường		Em rể			0	0	
02	Lưu Văn Cấn		TVHĐQT-PTGD			700	0,005	
	Trần Hồng Nhung		Vợ			0	0	

	Lưu Ngọc Quỳnh		Con			0	0	
	Lưu Văn Tới		Cha ruột			0	0	
	Mai Thị Trừ		Mẹ ruột			0	0	
	Lưu Văn Muôn		Anh ruột			0	0	
	Phạm Thị Gái		Chị dâu			0	0	
	Lưu Văn Tâm		Em ruột			900	0,007	
	Ngô Ngọc Cẩm Giang		Em dâu			3600	0,029	
	Lưu Văn Tý		Em ruột			0	0	
	Trần Hồng Quang		Cha vợ			0	0	
	Nguyễn Thị Liên		Mẹ vợ					
	Trần Lan Hương		Em vợ			0	0	
03	Mai Song Hào		TV HĐQT			0	0	
	Nguyễn Thị Bích Liên		Vợ			0	0	
	Mai Nguyễn Gia Hân		Con			0	0	
	Mai Nguyễn Phúc Khang		Con			0	0	
	Mai Minh Hùng		Cha ruột			0	0	
	Lã Thị Thơm		Mẹ ruột			0	0	
	Mai Thị Kiều Oanh		Chị ruột			0	0	
	Mai Thị Hồng		Em ruột			0	0	
	Mai Thiên Hoàng		Em ruột			0	0	
	Bùi Đức Cảnh		Anh rể			0	0	

	Nguyễn Thị Kiều Mộng		Em dâu			0	0	
	Lê Ngọc Hưng		Em rể			0	0	
	Hồ Thị Bích Thủy		Mẹ vợ			0	0	
	Công ty CP – Tổng công ty nước Môi trường Bình Dương		PTGD					
	Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ		TV BKS					
	Công ty CP Công trình đô thị Thủ Thừa		TV HDQT					
	Công ty CP Cấp nước Quảng Bình		TV HDQT					
	Công ty CP Cấp nước Gia Tân		TV HDQT					
	Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2		TVHDQT					
	Công ty CP Biwase Quảng Bình		TVHDQT					
04	Trần Tấn Lợi		TV HDQT			0	0	
	Công ty CP Nước Biwase – Long An		TVHDQT/P TGD					
	Nguyễn Thị Trúc Mai		Vợ			0	0	

	Trần Việt Nam		Con			0	0	
	Trần Hoàng Mỹ		Con			0	0	
	Trần Văn Xuyên		Cha ruột			0	0	
	Ngô Thị Màu		Mẹ ruột			0	0	
	Trần Thị Tuyết Thu		Chị ruột			0	0	
	Trần Tân Lộc		Em ruột			0	0	
	Lê Thị Tiêm		Em dâu			0	0	
	Nguyễn Văn Minh		Anh vợ			0	0	
	Nguyễn Ngọc Minh		Anh vợ			0	0	
5	Trương Ngọc Thùy Trang		TV HĐQT-TGD			0	0	Đại diện UBND Tỉnh Long An, nắm giữ 2.684.000 chiếm 22%
	Trương Hòa Bình		Cha ruột			0	0	
	Nguyễn Minh Phương		Mẹ ruột			0	0	
	Trương Trung Thành		Anh ruột			0	0	
	Lâm Thanh Hằng		Chị dâu			0	0	
	Nguyễn Thành Công		Chồng			0	0	
	Nguyễn Công Thành		Bố chồng			0	0	
	Nguyễn Thị Minh Ngọc		Mẹ chồng			0	0	
	Nguyễn Thành Trí		Anh chồng					

6	Cao Duy Thanh		TBKS			5200	0,042	
	Cao Minh Thiện		Con			0	0	
	Cao Thiên Phúc		Con					
	Lâm Kim Tuyết		Mẹ ruột			0	0	
	Cao Như Thanh		Em ruột			0	0	
	Trần Mỹ Phi		Vợ			0	0	
	Trần Văn Uôi		Cha vợ			0	0	
	Đặng Thị Đào		Mẹ vợ			0	0	
	Trần Thị Bé Uyên		Em vợ			0	0	
	Phan Kim Tuyền		Em rể			0	0	
	Trần Thị Khánh Ly		Em vợ			0	0	
	Danh Chánh Thi		Em rể			0	0	
	Trần Thị Mai		Chị vợ			0	0	
	Trần Văn Lĩnh		Anh vợ			0	0	
	Lê Thị Đào		Chị dâu			0	0	
	Trần Văn Bích		Anh vợ			0	0	
	Lý Minh Thùy		Chị dâu			0	0	
07	Nguyễn Đình Tuấn		TVBKS			0	0	

	Võ Thị Chanh		Vợ			0	0	
	Nguyễn Thị Yến Nhi		Con			0	0	
	Nguyễn Đình Đạt		Con			0	0	
	Trần Thị Hương		Mẹ ruột			0	0	
	Nguyễn Thị Hòa		Chị ruột			0	0	
	Nguyễn Văn Đông		Anh rể			0	0	
	Đậu Thị Tứ		Mẹ vợ			0	0	
	Võ Quang Trung		Anh vợ			0	0	
	Hồ Thị Hòe		Chị dâu			0	0	
	Võ Thị Liên		Chị vợ			0	0	
	Đinh Xuân Tư		Anh rể			0	0	
	Võ Quang Thanh		Anh vợ			0	0	
	Đinh Oánh Mỹ		Chị dâu			0	0	
	Võ Quang Kính		Em vợ			0	0	
	Lê Thị Hương		Em dâu			0	0	
08	Trương Thị Lệ Khanh		TV BKS			1.900	0,016	
	Trương Văn Khang		Cha ruột			0	0	
	Nguyễn Thị Lài		Mẹ ruột			0	0	
	Trương Thị Oanh		Chị ruột			0	0	
	Đào Mạnh Dũng		Anh rể					
	Trương Thị Huyền Trang		Em ruột			0	0	
09	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng			1.400	0,011	

	Nguyễn Văn Quan		Cha ruột			0	0	
	Cao Thị Tiên		Mẹ ruột			0	0	
	Nguyễn Quốc Hùng		Anh ruột			0	0	
	Nguyễn Quốc Vũ		Anh ruột			0	0	
	Nguyễn Hoàng Diên Khánh		Con ruột			0	0	
	Nguyễn Minh Khôi		Con ruột			0	0	

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: không có

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKHĐQT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Bảo Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 30

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch
Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên
Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Lưu Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Cao Duy Thanh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 18 tháng 02 năm 2025

SỐ: 010/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2025, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.819.942.430	33.188.105.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.409.452.221	4.458.731.389
1. Tiền	111		5.055.494.883	4.110.722.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		353.957.338	348.008.480
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	888.123.138	116.092.306
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		888.123.138	116.092.306
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.088.413.825	14.672.381.464
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.557.167.157	11.514.967.751
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.442.231.823	1.482.888.702
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.147.481.668	1.732.991.834
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(58.466.823)	(58.466.823)
IV. Hàng tồn kho	140	8	15.701.773.864	13.642.333.229
1. Hàng tồn kho	141		18.743.360.249	19.327.302.790
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.041.586.385)	(5.684.969.561)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.732.179.382	298.567.163
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.725.651.382	298.567.163
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	6.528.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		304.458.703.643	280.930.882.446
I. Tài sản cố định	220		303.154.386.760	279.176.368.929
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	300.842.695.738	277.688.533.964
- Nguyên giá	222		698.756.302.592	640.214.802.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(397.913.606.854)	(362.526.268.946)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.311.691.022	1.487.834.965
- Nguyên giá	228		2.896.286.455	2.041.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(584.595.433)	(553.906.035)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		330.784.389	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	330.784.389	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		973.532.494	1.754.513.517
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	973.532.494	1.754.513.517
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		342.278.646.073	314.118.987.997

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		155.240.189.562	141.280.044.735
I. Nợ ngắn hạn	310		84.231.141.494	70.992.418.354
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	46.042.243.461	39.082.482.507
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	880.589.566	2.317.792.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.911.364.458	2.732.536.807
4. Phải trả người lao động	314		4.562.979.903	3.779.312.898
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		829.356.000	494.795.463
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	13.662.571.551	8.919.215.742
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	17	13.329.000.000	11.752.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.013.036.555	1.914.282.837
II. Nợ dài hạn	330		71.009.048.068	70.287.626.381
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	12.300.544.230	13.770.122.543
2. Vay và nợ dài hạn	338	17	58.708.503.838	56.517.503.838
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.038.456.511	172.838.943.262
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	187.038.456.511	172.838.943.262
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.038.456.511	50.838.943.262
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		342.278.646.073	314.118.987.997
(440 = 300 + 400)				



Nguyễn Bảo Tùng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Long An, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Quốc Phong
 Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		325.379.262.414	277.784.765.820
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	325.379.262.414	277.784.765.820
3. Giá vốn hàng bán	11	21	242.654.419.744	217.597.497.266
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		82.724.842.670	60.187.268.554
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		40.605.636	27.203.063
6. Chi phí tài chính	22	23	3.855.705.032	5.874.167.868
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.855.705.032	5.874.167.868
7. Chi phí bán hàng	25	24	33.757.367.144	19.540.018.805
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	21.921.582.568	20.261.996.439
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.230.793.562	14.538.288.505
10. Thu nhập khác	31	25	1.112.953.193	3.964.805.830
11. Chi phí khác	32		1.075.660.979	942.447.444
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		37.292.214	3.022.358.386
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.268.085.776	17.560.646.891
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.013.394.897	2.732.573.908
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.254.690.879	14.828.072.983
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.413	1.215



Nguyễn Bảo Tùng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Long An, ngày 18 tháng 02 năm 2025

(Handwritten signature)
 Nguyễn Quốc Phong
 Kế toán trưởng

(Handwritten signature)
 Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.268.085.776		17.560.646.891	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	35.418.027.306		35.090.520.338	
- Các khoản dự phòng	03	(2.643.383.176)		5.544.748.122	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(29.628.143)		(27.203.063)	
- Chi phí lãi vay	06	3.855.705.032		5.874.167.868	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.868.806.795		64.042.880.156	
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(849.644.580)		(1.916.691.472)	
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	583.942.541		4.359.889.441	
- Tăng/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.317.823.276)		20.711.265.480	
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	780.981.023		(700.822.468)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.939.500.495)		(5.379.372.405)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.239.361.261)		(883.433.662)	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.923.282.837)		(2.345.138.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.964.117.910		77.888.577.070	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(49.038.994.389)		(49.464.037.811)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(772.030.832)		(5.422.806)	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.628.143		27.203.063	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.781.397.078)		(49.442.257.554)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.549.000.000		94.322.034.213	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.781.000.000)		(114.974.034.213)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-		(7.413.459.272)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.768.000.000		(28.065.459.272)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	950.720.832		380.860.244	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.458.731.389		4.077.871.145	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5.409.452.221		4.458.731.389	



Nguyễn Bảo Tùng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Long An, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Quốc Phong
 Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 07 ngày 05/9/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 153 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 143 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Bán điện cho điện lực (trừ truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý điện phân phối, thùy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) được ghi nhận ban đầu theo giá mua.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến nay mới phát sinh giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm hiện hành.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm phát sinh khoản giảm giá.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
UBND tỉnh Long An	Cổ đông lớn
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước Bivase - Long An	Công ty con của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	254.684.401	438.644.721
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.800.810.482	3.672.078.188
Các khoản tương đương tiền	353.957.338	348.008.480
Cộng	<u>5.409.452.221</u>	<u>4.458.731.389</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 2,9% đến 4,9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu bên liên quan</i>	<i>6.588.000</i>	<i>12.530.000</i>
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	6.588.000	12.530.000
<i>b) Phải thu đối tượng khác</i>	<i>10.550.579.157</i>	<i>11.502.437.751</i>
Khách hàng cung cấp nước	8.508.685.231	9.357.470.053
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa Tây Nam Bộ	1.484.869.618	-
Khách hàng khác	557.024.308	2.144.967.698
Cộng	<u>10.557.167.157</u>	<u>11.514.967.751</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	769.259.000	-	769.720.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	230.870.217	-	560.541.245	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	145.855.465	-	401.453.765	-
Ký cược, ký quỹ	1.279.386	-	1.276.824	-
Các khoản phải thu khác	217.600	-	-	-
Cộng	<u>1.147.481.668</u>	<u>-</u>	<u>1.732.991.834</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.940.440.379	(3.041.586.385)	18.524.382.920	(5.684.969.561)
Chi phí SXKD dở dang	802.919.870	-	802.919.870	-
Cộng	18.743.360.249	(3.041.586.385)	19.327.302.790	(5.684.969.561)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	5.684.969.561	-
Hoàn nhập dự phòng	(2.643.383.176)	-
Số cuối năm	3.041.586.385	-

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.643.383.176 VND do các mã hàng tồn kho này đã được thanh lý/xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một số nguyên vật liệu để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.482.886.022	1.489.414.022	6.528.000
Cộng	-	1.482.886.022	1.489.414.022	6.528.000

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.509.743.075	3.236.225.730	4.239.361.261	1.506.607.544
Thuế thu nhập cá nhân	24.594.220	2.034.630.412	1.692.760.401	366.464.231
Thuế tài nguyên	198.199.512	2.460.897.561	2.620.804.390	38.292.683
Các loại thuế khác	-	543.115.416	543.115.416	-
Cộng	2.732.536.807	8.274.869.119	9.096.041.468	1.911.364.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	214.133.701.101	36.566.734.876	385.907.725.261	3.606.641.672	640.214.802.910
- Mua sắm mới	-	-	1.576.172.727	-	1.576.172.727
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	210.000.000	56.310.626.955	444.700.000	56.965.326.955
Số cuối năm	214.133.701.101	36.776.734.876	443.794.524.943	4.051.341.672	698.756.302.592
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	172.237.395.280	33.013.325.242	154.478.635.270	2.796.913.154	362.526.268.946
- Khấu hao trong năm	10.090.632.905	1.160.091.801	23.509.112.015	627.501.187	35.387.337.908
Số cuối năm	182.328.028.185	34.173.417.043	177.987.747.285	3.424.414.341	397.913.606.854
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	41.896.305.821	3.553.409.634	231.429.089.991	809.728.518	277.688.533.964
Số cuối năm	31.805.672.916	2.603.317.833	265.806.777.658	626.927.331	300.842.695.738

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 125.876.742.937 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 94.597.098.442 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 16) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 135.521.171.999 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 149.060.699.025 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
- Mua trong năm	-	854.545.455	-	854.545.455
Số cuối năm	<u>1.477.835.000</u>	<u>1.379.651.455</u>	<u>38.800.000</u>	<u>2.896.286.455</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	-	515.106.035	38.800.000	553.906.035
- Khấu hao trong năm	-	30.689.398	-	30.689.398
Số cuối năm	-	<u>545.795.433</u>	<u>38.800.000</u>	<u>584.595.433</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	<u>1.477.835.000</u>	<u>9.999.965</u>	-	<u>1.487.834.965</u>
Số cuối năm	<u>1.477.835.000</u>	<u>833.856.022</u>	-	<u>2.311.691.022</u>

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy Công ty không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 483.906.000 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 483.906.000 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình : Bờ kè chống sạt lở hồ Bảo Định	265.296.000	-
Công trình : tuyến ống D63 vòng xoay N.H.Trung , Kp.Nhà Dài , ấp 5 , TL833	65.488.389	-
Cộng	<u>330.784.389</u>	-
Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm:		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	57.296.111.344	-
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	56.965.326.955	-
Số cuối năm	<u>330.784.389</u>	-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Là chi phí sửa chữa tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả bên liên quan	19.598.050.101	19.598.050.101	22.433.055.052	22.433.055.052
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	19.598.050.101	19.598.050.101	22.433.055.052	22.433.055.052
b) Phải trả đối tượng khác	26.444.193.360	26.444.193.360	16.649.427.455	16.649.427.455
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	6.102.905.820	6.102.905.820	2.640.790.820	2.640.790.820
Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng điện Khánh Lộc	4.699.495.200	4.699.495.200	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thiều Niên Tiên Phong Phía Nam	1.901.550.289	1.901.550.289	2.233.448.670	2.233.448.670
Phải trả người bán khác	13.740.242.051	13.740.242.051	11.775.187.965	11.775.187.965
Cộng	46.042.243.461	46.042.243.461	39.082.482.507	39.082.482.507

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Xuân Thảo	727.607.100	727.607.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủ Thừa	100.000.000	100.000.000
Công trình: Thi công dự án khu nhà vườn trung tâm Garden Central Park - An Hòa	-	528.163.000
Khách hàng khác	52.982.466	962.022.000
Cộng	880.589.566	2.317.792.100

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	13.662.571.551	8.919.215.742
Bảo hiểm xã hội	8.954.008	-
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	11.080.800.701	8.143.659.626
Nhận ký quỹ, ký cược	1.002.673.000	-
Phải trả phí bảo vệ môi trường	720.143.842	775.556.116
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bản giao tài sản cố định (ii)	850.000.000	-
b) Dài hạn	12.300.544.230	13.770.122.543
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bản giao tài sản cố định (ii)	11.304.262.000	12.154.262.000
Phải trả khác	996.282.230	1.615.860.543
Cộng	25.963.115.781	22.689.338.285

- (i) Đây là giá trị tài sản cố định: “Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An” theo Công văn số 1599/QĐ-UBND, với giá trị phải trả trong 20 năm là 12.154.262.000 VND, lịch trả nợ bắt đầu từ năm thứ 06 đến năm thứ 19 với giá trị 850.000.000 VND/năm và năm thứ 20 phải thanh toán 254.262.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	13.329.000.000	13.329.000.000	12.781.000.000	14.358.000.000	11.752.000.000	11.752.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	7.538.000.000	5.322.000.000	5.322.000.000
Quý Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An (ii)	6.899.000.000	6.899.000.000	6.351.000.000	6.820.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
b) Vay dài hạn	58.708.503.838	58.708.503.838	14.358.000.000	16.549.000.000	56.517.503.838	56.517.503.838
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	19.318.076.838	19.318.076.838	7.538.000.000	-	26.856.076.838	26.856.076.838
Quý Đầu tư và Phát triển Long An (ii)	39.390.427.000	39.390.427.000	6.820.000.000	16.549.000.000	29.661.427.000	29.661.427.000
Cộng	72.037.503.838	72.037.503.838	27.139.000.000	30.907.000.000	68.269.503.838	68.269.503.838

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.

(ii) Khoản vay Quý Đầu tư và Phát triển:

- Mục đích vay để đầu tư dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND, thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 8,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị liên quan của Tuyến ống cấp nước sạch D160 - D225 đường Hương Lộ 25 (từ Tân Trụ đến đường Bán Cao).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY (Tiếp theo)**(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển (Tiếp theo):**

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống D110 CN cho 3 xã Bình Đức, Thạnh Hòa, Thạnh Lợi.*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Cải tạo hệ thống mạng lưới TOCN thị trấn Tân Trụ và vùng lân cận huyện Tân Trụ.*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).*

- Mục đích vay để đầu tư thực hiện xây dựng công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước khu vực xã Bình Thạnh và vùng lân cận huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ *Quyền khai thác và toàn bộ tài sản Công trình đường Quốc Lộ 62 (Hai tuyến đường Nguyễn Thị Bảy đến cửa hàng Sáu Bánh), phường 6, xã Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, Long An (Hạng mục: Di dời và lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D200, HDPE D63 chuyển tải và phân phối) theo hợp đồng tín dụng số 03/2022.HĐTC-QĐTPT ngày 29/07/2022 với giá trị tài sản đảm bảo là 1.360.558.818 VND.*

+ *Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản Công trình tuyến ống cấp nước khu vực xã Bình Thạnh và vùng lân cận huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 04/2022.HĐTC-QĐTPT với giá trị tài sản đảm bảo là 4.014.316.763 VND.*

- Mục đích vay để đầu tư thực hiện công trình tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho các xã Thạnh Đức, Mỹ Yên, Phước Lợi, Tân Bửu và khu vực lân cận huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D225, D315 đường huyện 17 (đoạn từ Tỉnh lộ 833B đến UBND xã Long Sơn).*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D160, D110, D63 các đường hẻm khu vực phường 2, 3, 4, 5, 6, 7, xã Bình Tâm, Tp. Tân An, tỉnh Long An.*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho khu vực huyện Bến Lức, tỉnh Long An.*

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước sạch cấp cho người dân dọc theo tuyến đường tỉnh 818, đường cấp bờ kênh Thủ Thừa (Khu phố ấp Nhà Dài), thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư khu Hành chính tỉnh (Khu tái định cư Đồng Tâm), phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An.*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D160 và D63 đường Mai Bá Hương.*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư số 01 phường Khánh Hậu, Tp. Tân An, tỉnh Long An.*

+ *Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước sạch cho người dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An).*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY (Tiếp theo)**

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường kính 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét). Thời hạn vay 7 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Xây lắp tuyến ống cấp nước phân phối, dịch vụ cho Tp. Tân An năm 2021.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt Tê xả cận trên mạng lưới cấp nước địa bàn Thành phố Tân An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống phân phối nước sạch cho khu vực xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường kính 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét).

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5, xã Nhơn Trạch Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 7 năm, lãi suất 6.3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bao gồm:

Hợp đồng thế chấp máy bơm thiết bị số 04/2023/HĐTC-QĐTPT ngày 08/09/2023:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Châu Thị Kim (hai bên tuyến đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 1.130.163.568 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Trần Trung Tam (cư xá phường 3), phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, với giá trị là 1.168.575.086 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Lê Anh Xuân, hẻm 40 đường Nguyễn Thái Bình, hẻm 46 đường Lê Anh Xuân, hẻm 81 đường Nguyễn Công Trung, phường 1, phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, giá trị là 926.830.232 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Nguyễn Văn Cương (hai bên tuyến đoạn từ đường Quốc lộ 1 đến đường Phạm Văn Ngộ), đường Phạm Văn Ngộ (hai bên tuyến đường từ đường Nguyễn Văn Chương đến đường Trần Văn Đẩu), đường Quốc lộ 1 (bên trái tuyến đoạn từ số nhà 1111 đến cầu Tân Hương), phường Tân Khánh, Tp. Tân An, Tỉnh Long An, với giá trị 2.142.906.147 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Đinh viết cừu GD4 (đoạn từ cổng Bình Tâm đến ranh ấp 1), xã Bình Tâm, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 889.685.088 VND.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 05/2023/HĐTC-QĐTPT:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản, công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5 và xã Nhơn Trạch, Thành phố Tân An.

- Mục đích đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường kính 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch - Long Hòa đến cổng khu công nghiệp Cầu Tràm, lãi suất 6.3%/năm, khoản vay được đảm bảo bao gồm:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/2024/HĐTC-QĐTPT ngày 24/01/2024

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 02/2024/HĐTC-QĐTPT ngày 24/01/2024

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Lắp đặt hệ thống khai thác tài nguyên nước cho hệ thống khai thác nước dưới đất và khai thác nước mặt hệ Bảo Định

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Thủ Khoa Huân và Hẻm 102 đường Thủ Khoa Huân, phường 1, TP Tân An, Tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Trương Định, phường 1; Đường Võ Thị Ké; đường Lê Thị Khôi; đường Trang Văn Nguyên, phường 2, thành phố Tân An, Long An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY (Tiếp theo)

+ Tài sản hình thành trong tương lai là Quyền khai thác tài nguyên và toàn bộ giá trị tài sản là vật tư thiết bị hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường tỉnh 826

- Mục đích đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D225 tuyến tránh Quốc lộ 1, lãi suất 6.3%/năm, khoản vay được đảm bảo bao gồm:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 010/2024/HĐTC-QĐTPT ngày 10/07/2024

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 11/2024/HĐTC-QĐTPT ngày 10/07/2024

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Hai Bà Trưng, đường Hùng Vương, Phường 3, TP Tân An, Tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, TP Tân An, Tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Nguyễn Văn Tích bên trái tuyến, Xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, Long An.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Lắp đặt tuyến ống HDPE D160 và D63 đường Lộ Đình, Cao Thị Mai, lộ 9 Bột huyện Tân Trụ

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D63, D110 cho các xã, thị trấn thuộc huyện Bến Lức, Tân Trụ, Thủ Thừa, Tỉnh Long An năm 2023

+ Tài sản hình thành trong tương lai là Quyền khai thác tài nguyên và toàn bộ giá trị tài sản là vật tư thiết bị hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D225 đường tránh Quốc lộ 1.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	13.329.000.000	11.752.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	54.119.076.838	45.914.076.838
Sau năm năm	4.589.427.000	10.603.427.000
Cộng	72.037.503.838	68.269.503.838
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	13.329.000.000	11.752.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	58.708.503.838	56.517.503.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	46.390.521.367	-	168.390.521.367
Lãi trong năm	-	-	14.828.072.983	14.828.072.983
Trích cổ tức	-	-	(8.155.440.140)	(8.155.440.140)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.448.421.895	(4.448.421.895)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.224.210.948)	(2.224.210.948)
Số dư đầu năm nay	122.000.000.000	50.838.943.262	-	172.838.943.262
Lãi trong năm	-	-	20.254.690.879	20.254.690.879
Trích cổ tức (ii)	-	-	(11.080.800.701)	(11.080.800.701)
Chuyển cổ tức phải trả cho cổ đồng năm 2023 sang Đầu tư Xây dựng cơ bản (i)	-	8.155.440.140	-	8.155.440.140
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	6.044.073.109	(6.044.073.109)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	(3.022.036.555)	(3.022.036.555)
Giảm khác	-	-	(107.780.514)	(107.780.514)
Số dư cuối năm nay	122.000.000.000	65.038.456.511	-	187.038.456.511

(i) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 thông qua phương pháp phân phối lợi nhuận năm 2023, quyết định không chia cổ tức năm 2023 để tái đầu tư xây dựng năm 2024, phục vụ các công trình cấp nước tạo động lực cho Công ty phát triển.

(ii) Công ty tạm trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 theo Tờ trình số 52/CV-KTTV ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển;

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	73.200.000.000	60,0%
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	46.437.400.000	38,1%	46.437.400.000	38,1%
Cổ đông khác	2.362.600.000	1,9%	2.362.600.000	1,9%
Cộng	122.000.000.000	100%	122.000.000.000	100%

Cổ tức đã được thanh toán trong năm nay là 0 VND (năm trước là 7.413.459.272 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước và xét nghiệm nước	307.090.404.461	254.636.703.205
Doanh thu lắp đặt đường ống	18.288.857.953	23.148.062.615
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>325.379.262.414</u>	<u>277.784.765.820</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước và xét nghiệm nước	229.573.625.684	202.345.478.019
Giá vốn lắp đặt đường ống	13.080.794.060	15.252.019.247
Cộng	<u>242.654.419.744</u>	<u>217.597.497.266</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.742.453.101	36.679.177.810
Chi phí nhân công	41.602.105.327	39.819.705.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.418.027.306	35.090.520.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.954.258.746	118.601.196.735
Chi phí bằng tiền khác	165.388.660.926	21.664.164.393
Cộng	<u>299.105.505.406</u>	<u>251.854.764.388</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.855.705.032	5.874.167.868
Cộng	<u>3.855.705.032</u>	<u>5.874.167.868</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	9.481.577.323	10.254.644.383
Chi phí dự phòng	-	(140.221.439)
Các khoản chi phí QLDN khác	12.440.005.245	10.147.573.495
Cộng	<u>21.921.582.568</u>	<u>20.261.996.439</u>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	10.904.114.126	8.192.391.015
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.853.253.018	11.347.627.790
Cộng	<u>33.757.367.144</u>	<u>19.540.018.805</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty TNHH La Vie hỗ trợ nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch	-	3.000.000.000
Tạm trích phí BVMT	798.259.265	776.214.734
Các khoản khác	314.693.928	188.591.096
Cộng	<u>1.112.953.193</u>	<u>3.964.805.830</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	23.268.085.776	17.560.646.891
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.682.238.309	1.241.181.896
Thu nhập chịu thuế	26.950.324.085	18.801.828.787
Thu nhập chịu thuế suất 20%	3.183.624.884	8.523.910.289
Thu nhập chịu thuế suất 10%	23.766.699.201	10.277.918.498
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.013.394.897</u>	<u>2.732.573.908</u>

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề cấp thoát nước của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa của Công ty được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định của Thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, mức thuế suất này được Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016. Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	20.254.690.879	14.828.072.983
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.232.654.324	14.828.072.983
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.413	1.215
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	72.037.503.838	68.269.503.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.409.452.221	4.458.731.389
Nợ thuần	66.628.051.617	63.810.772.449
Vốn chủ sở hữu	187.038.456.511	172.838.943.262
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,36	0,37

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.409.452.221	4.458.731.389	5.409.452.221	4.458.731.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.876.923.002	12.419.772.762	10.876.923.002	12.419.772.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	888.123.138	116.092.306	888.123.138	116.092.306
Tổng cộng	17.174.498.361	16.994.596.457	17.174.498.361	16.994.596.457
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	72.037.503.838	68.269.503.838	72.037.503.838	68.269.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	72.005.359.242	61.771.820.792	72.005.359.242	61.771.820.792
Chi phí phải trả	829.356.000	494.795.463	829.356.000	494.795.463
Tổng cộng	144.872.219.080	130.536.120.093	144.872.219.080	130.536.120.093

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.409.452.221	-	-	5.409.452.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.876.923.002	-	-	10.876.923.002
Đầu tư tài chính ngắn hạn	888.123.138	-	-	888.123.138
Tổng cộng	17.174.498.361	-	-	17.174.498.361
Số cuối năm				
Các khoản vay	13.329.000.000	54.119.076.838	4.589.427.000	72.037.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	59.704.815.012	12.300.544.230	-	72.005.359.242
Chi phí phải trả	829.356.000	-	-	829.356.000
Tổng cộng	73.863.171.012	66.419.621.068	4.589.427.000	144.872.219.080
Chênh lệch thanh khoản thuần	(56.688.672.651)	(66.419.621.068)	(4.589.427.000)	(127.697.720.719)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	-	-	4.458.731.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.419.772.762	-	-	12.419.772.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116.092.306	-	-	116.092.306
Tổng cộng	16.994.596.457	-	-	16.994.596.457
Số đầu năm				
Các khoản vay	11.752.000.000	45.914.076.838	10.603.427.000	68.269.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	48.001.698.249	13.770.122.543	-	61.771.820.792
Chi phí phải trả	494.795.463	-	-	494.795.463
Tổng cộng	60.248.493.712	59.684.199.381	10.603.427.000	130.536.120.093
Chênh lệch thanh khoản thuần	(43.253.897.255)	(59.684.199.381)	(10.603.427.000)	(113.541.523.636)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 06, 14, 16 và 18 trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An		
Tiền mua nước	127.989.179.370	107.284.698.802
Thanh toán tiền mua nước	137.223.643.290	90.268.174.593
UBND tỉnh Long An		
Quyết định chia cổ tức	6.648.480.421	4.893.264.084
Cổ tức đã chi trả trong năm	-	4.443.240.000
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương		
Quyết định chia cổ tức	4.217.734.217	3.107.222.694
Cổ tức đã chi trả trong năm	-	2.818.750.180
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam		
Vay tiền	-	3.500.000.000
Trả tiền vay	-	3.500.000.000

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	990.479.902	747.000.000
Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	624.000.000
Bà Trương Ngọc Thủy Trang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	800.465.238	175.000.000
Ông Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	72.000.000	-
Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	79.000.000
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	824.277.879	609.125.000
Ông Cao Duy Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	689.362.379	60.432.308
Ông Võ Minh Thái	Trưởng Ban kiểm soát (đã miễn nhiệm)	-	628.600.000
Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên Ban kiểm soát	349.557.845	-
Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Phong	Kế toán trưởng	778.636.698	722.000.000
Cộng		4.588.779.941	3.645.157.308

850-6
 NHÁP
 HỒ SƠ C
 SNG T
 HIỆM H
 ẾM TOÁ
 'AC
 H - T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 14.999.485.137 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 4.311.650.000 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/Giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 411.000.000 VND là số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 494.795.463 VND là số tiền lãi vay năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/Giảm các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm (a) 11.093.056.397 VND là số cổ tức năm nay chưa thanh toán và (b) 8.155.440.140 VND là số tiền cổ tức năm trước chưa thanh toán được dùng để tái đầu tư xây dựng năm 2024, do vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

